

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2018

ĐIỂM THI PHẦN I
LỚP BỒI DƯỠNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN KHÓA 1, TẠI TP THÁI NGUYÊN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Thị Lan Anh	01	82	8.0	Tám	
2	Lê Tuấn Anh	02	51	7.0	Bảy	
3	Trương Thị Nguyệt Ánh	03	80	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Hữu Bắc	04	78	7.0	Bảy	
5	Dương Thị Thanh Bình	05	42	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Đức Cảnh	06	35	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Đình Chuyên	07	72	8.0	Tám	
8	Nguyễn Văn Cường	08	77	7.0	Bảy	
9	Đỗ Văn Diện	09	71	7.0	Bảy	
10	Mẫu Minh Doanh	10	67	7.0	Bảy	
11	Phạm Thị Dung	11	76	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Kim Nam Dung	12	26	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Ngọc Đức	13	73	7.0	Bảy	
14	Phạm Đức Giang	14	58	7.5	Bảy rưỡi	
15	Lý Thị Hương Giang	15	43	7.0	Bảy	
16	Dương Sơn Hà	16	18	7.0	Bảy	
17	Hoàng Thị Thu Hà	17	19	7.5	Bảy rưỡi	
18	Phạm Thị Hải	18	63	7.5	Bảy rưỡi	
19	Trần Thị Hằng	19	30	7.0	Bảy	
20	Đồng Thị Hạnh	20	22	7.0	Bảy	
21	Nông Văn Hạnh	21	79	7.0	Bảy	
22	Nguyễn Thị Bích Hạnh	22	05	7.5	Bảy rưỡi	
23	Lê Thị Ngọc Hoa	23	25	8.0	Tám	
24	Nguyễn Huy Hòa	24	32	7.0	Bảy	
25	Trương Việt Hoàng	25	61	7.5	Bảy rưỡi	
26	Vũ La Hoàng	26	24	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
27	Nguyễn Thị Hoạt	27	13	8.0	Tám	
28	Hoàng Xuân Hồng	28	60	7.5	Bảy rưỡi	
29	Vũ Thị Huế	29	38	7.0	Bảy	
30	Phạm Thanh Huệ	30	02	8.0	Tám	
31	Đỗ Thị Lan Hương	31	45	7.5	Bảy rưỡi	
32	Mai Thị Hương	32	44	7.0	Bảy	
33	Nguyễn Thị Thanh Hương	33	23	8.0	Tám	
34	Nguyễn Thúy Hường	34	15	8.0	Tám	
35	Phùng Thị Huyền	35	55	7.0	Bảy	
36	Tạ Quang Khánh	36	49	7.0	Bảy	
37	Lăng Văn Lịch	37	10	7.0	Bảy	
38	Lưu Thị Thùy Linh	38	12	7.0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Thùy Linh	39	33	8.0	Tám	
40	Vũ Văn Long	40	57	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Tiến Lượng	41	04	7.0	Bảy	
42	Đinh Thị Trà Ly	42	39	8.0	Tám	
43	Lê Thị Khánh Ly	43	34	7.0	Bảy	
44	Đỗ Đức Minh	44	70	8.0	Tám	
45	Đào Thị Dịu Năng	45	03	8.0	Tám	
46	Đỗ Việt Nga	46	27	8.0	Tám	
47	Phạm Thanh Nga	47	06	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Thị Nga	48	20	7.0	Bảy	
49	Hoàng Quốc Nghị	49	59	7.5	Bảy rưỡi	
50	Đào Thị Việt Ngọc	50	11	8.0	Tám	
51	Lâm Văn Nguyên	51	64	7.0	Bảy	
52	Đinh Thị Nhân	52	09	8.0	Tám	
53	Mai Thị Phương	53	07	7.5	Bảy rưỡi	
54	Ngô Minh Quân	54	69	7.0	Bảy	
55	Nguyễn Văn Quân	55	16	7.0	Bảy	
56	Vũ Xuân Quang	56	31	7.0	Bảy	
57	Dương Văn Quy	57	40	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Văn Quý	58	41	7.0	Bảy	
59	Nguyễn Đình Sơn	59	47	7.0	Bảy	
60	Nguyễn Ngọc Tân	60	74	7.0	Bảy	



5

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
61	Trần Thị Thắm	61	52	8.0	Tám	
62	Nguyễn Thị Phương Thanh	62	50	7.5	Bảy rưỡi	
63	Vũ Tân Thành	63	46	7.0	Bảy	
64	Lê Văn Thiệp	64	56	7.0	Bảy	
65	Phạm Thái Thịnh	65	28	7.5	Bảy rưỡi	
66	Ngô Thị Thúy	66	14	8.0	Tám	
67	Nguyễn Thu Thủy	67	08	8.0	Tám	
68	Vũ Thị Thanh Thủy	68	17	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thanh Thủy	69	01	7.5	Bảy rưỡi	
70	Đinh Tiến Trung	70	29	7.0	Bảy	
71	Đào Mạnh Trung	71	48	7.5	Bảy rưỡi	
72	Ngô Quang Trung	72	75	7.0	Bảy	
73	Bùi Ngọc Tú	73	53	7.0	Bảy	
74	Phạm Ngọc Tú	74	54	7.0	Bảy	
75	Hoàng Anh Tuấn	75	65	7.0	Bảy	
76	Trần Mạnh Tuấn	76	66	7.5	Bảy rưỡi	
77	Đỗ Anh Tuấn	77	62	7.0	Bảy	
78	Trần Quang Tùng	78	81	7.0	Bảy	
79	Nguyễn Vĩnh Tuyên	79	21	7.0	Bảy	
80	Nguyễn Thị Tuyết	80	36	7.0	Bảy	
81	Luyện Thanh Vân	81	37	7.0	Bảy	
82	Vũ Thị Yên	82	68	7.0	Bảy	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA NN&PL

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Ái



Nguyễn Thị Hồng Mây



Phạm Minh Chuyên